BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ **HỌC VIỆN** **CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 06 /TB-HVCSPT	*Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2023*

THÔNG BÁO

V/v thời khóa biểu và lịch đăng ký tín chỉ đợt 1, học kỳ II, năm học 2022 – 2023 các khóa 10, 11, 12, 13

Căn cứ vào Chương trình đào tạo và Kế hoạch học tập năm học 2022 – 2023;

Học viện Chính sách và Phát triển thông báo:

1. Thời khóa biểu:

Thời khóa biểu học kỳ II năm học 2022 – 2023, đợt học 1 đối với sinh viên các khóa 10, 11, 12, 13 chi tiết theo *file đính kèm*.

Các lớp Quy đổi điểm: Tiếng Anh, Tin học, Phương pháp nghiên cứu khoa học được mở đăng ký vào đợt học 3 theo thông báo của Học viện.

2. Thời gian giảng dạy:

09 tuần từ ngày 06/02/2023 đến ngày 09/04/2023. Cụ thể tiết học như sau:

BUỔI SÁNG	BUỔI CHIỀU
Tiết 1: Từ 07h30 đến 08h20	Tiết 6: Từ 13h00 đến 13h50
Tiết 2: Từ 08h25 đến 09h15	Tiết 7: Từ 13h55 đến 14h45
Tiết 3: Từ 09h20 đến 10h10	Tiết 8: Từ 14h50 đến 15h40
Tiết 4: Từ 10h15 đến 11h05	Tiết 9: Từ 15h45 đến 16h35
Tiết 5: Từ 11h10 đến 12h00	Tiết 10: Từ 16h40 đến 17h30

3. Lịch đăng ký tín chỉ

- Học viện đã đăng ký mặc định một số học phần bắt buộc cho Sinh viên Khóa 11, 12, 13. **Sinh viên có trách nhiệm kiểm tra kết quả đăng ký học trên trang www.tinchi.apd.edu.vn**. Sinh viên tự chịu trách nhiệm về việc tự hủy các học phần được Học viện đăng ký học mặc định, sinh viên hệ đại trà **KHÔNG** đăng ký vào các lớp học phần của hệ Chất lượng cao và ngược lại. (Cần tham khảo ý kiến của CVHT trước khi đăng ký hoặc thay đổi lịch học).

- Sinh viên Khóa 10 hệ đại trà và Chất lượng cao đăng ký các lớp học phần thuộc Thời khoá biểu Khoá 10: Từ 13h00 thứ 2 ngày 16/01/2023 đến 20h00 thứ 3 ngày 17/01/2023.

- Sinh viên Khóa 11 hệ đại trà và Chất lượng cao đăng ký các lớp học phần thuộc Thời khoá biểu Khoá 11: Từ 15h00 thứ 2 ngày 16/01/2023 đến 20h00 thứ 3 ngày 17/01/2023.

- Sinh viên Khóa 12 hệ đại trà và Chất lượng cao đăng ký các lớp học phần thuộc Thời khoá biểu Khoá 12: Từ 17h00 thứ 2 ngày 16/01/2023 đến 20h00 thứ 3 ngày 17/01/2023.

- Sinh viên Khóa 13 hệ đại trà đăng ký các lớp học phần Tiếng Anh thuộc thời khoá biểu Khoá 13: Từ 19h00 thứ 2 ngày 16/01/2023 đến 20h00 thứ 3 ngày 17/01/2023

(nếu sinh viên chưa quy đổi điểm học phần hoặc chưa có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế còn thời hạn tình đến ngày 31/01/2023 thì bắt buộc phải đăng ký). Cụ thể như sau:

+ Học phần ***Tiếng Anh cơ bản 3***: Sinh viên các chuyên ngành (Kinh tế đối ngoại, Kinh tế và kinh doanh số, Luật đầu tư - Kinh doanh, Quản trị doanh nghiệp, Quản trị Marketing, Thương mại quốc tế, Phân tích dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh) bắt buộc đăng ký.

+ Học phần ***Tiếng Anh cơ bản 2***: Tất cả sinh viên Khóa 13.

- Sinh viên Khóa 13 hệ chất lượng cao *được đăng ký mặc định.*

- Hệ thống mở cho sinh viên các khóa 9 trở về trước, Khóa 10, 11, 12 đăng ký liên thông: Từ 21h00 thứ 3 ngày 17/01/2023 đến hết thứ 4 ngày 18/01/2023.

4. Thời gian xử lý đơn đăng ký/hủy lớp học phần:

Khoa Quản lý sinh viên/Viện Đào tạo quốc tế tiếp nhận đơn từ sinh viên và tổng hợp gửi về Phòng QLĐT đến hết ngày 31/01/2023.

*** Lưu ý**: Yêu cầu sinh viên kiểm tra tài khoản đăng kí trước khi làm đơn. Phòng Quản lý đào tạo chỉ xử lý đơn hủy, và những đơn chưa đăng kí đủ số tín chỉ, ưu tiên sinh viên khóa 10 trở về trước.

5. Hình thức đào tạo: Trực tiếp tại Học viện

Học viện sẽ giảng dạy và học tập trực tiếp toàn bộ các lớp học phần. Trong trường hợp bất khả kháng không thể tổ chức dạy trực tiếp tại Học viện, có thể kết hợp giảng dạy trực tuyến qua ứng dụng Google Meet và LMS (do Giám đốc quyết định bằng văn bản).

6. Để đảm bảo công tác giảng dạy được thực hiện đúng kế hoạch, Học viện Chính sách và Phát triển đề nghị các đơn vị thực hiện như sau:

- Trưởng các Khoa/Bộ môn gửi kế hoạch phân công giảng viên giảng dạy, thông báo đến cố vấn học tập, giảng viên và sinh viên được biết và thực hiện. Kế hoạch phân công giảng viên gửi về Phòng Quản lý Đào tạo (*đ/c Thơ*) ***trước 14h00 thứ 7, ngày 14/01/2023***.

- Trung tâm Hỗ trợ đào tạo chuẩn bị giảng đường, trang thiết bị phục vụ học tập và bố trí cán bộ trực phục vụ công tác giảng dạy theo kế hoạch.

Trên cơ sở chức năng nhiệm vụ của mình, các đơn vị cần chủ động triển khai và phối hợp thực hiện Thời khóa biểu Học kỳ II năm học 2022 - 2023. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh những vấn đề cần giải quyết các đơn vị báo cáo Ban Giám đốc (qua Phòng Quản lý đào tạo).

Đề nghị cán bộ, giảng viên và sinh viên nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:
- Ban Giám Đốc (để báo cáo);
- Các đơn vị thuộc H/v (để t/hiện);
- Bộ phận quản lý website (đăng thông tin);
- Lưu: TC-HC, P.QLĐT (2 bản).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

TS. Nguyễn Thế Hùng

THỜI KHOÁ BIỂU ĐỢT HỌC 1, HỌC KỲ II NĂM HỌC 2022 - 2023, KHÓA 10, ĐỢT 1
(09 TUẦN, TỪ NGÀY 06/02/2023 - 09/04/2023)

(Ban hành kèm theo Thông báo số 06/TB-HVCSPT ngày 12 tháng 01 năm 2023 của Học viện Chính sách và Phát triển)

STT	Lớp Môn Tín Chỉ	Số SV	Số tín chỉ	Số tiết tuần	Thứ 2				Thứ 3				Thứ 4				Thứ 5				Thứ 6				Thứ 7			
					Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều
1	Chính sách công nâng cao(2-2222)_01	40	3	5			6-7	C507									3-5	C311										
2	Đấu thầu mua sắm nâng cao(2-2223)_01	40	3	5					3-5	C410							1-2	C410										
3	Digital Marketing nâng cao(2-2223)_01	70	3	5	3-5	C703																	6-7	C703				
4	Kế toán nâng cao(2-2223)_01	70	3	5									1-2	C703							3-5	C703						
5	Kiểm toán nâng cao(2-2223)_01	70	3	5									3-5	C703							1-2	C703						
6	Kinh tế đầu tư nâng cao(2-2223)_01	70	3	5					3-5	C703									6-7	C703								
7	Kinh tế phát triển nâng cao(2-2223)_01	40	3	5											8-10	C702					1-2	C704						
8	Lập hồ sơ mời thầu nâng cao(2-2223)_01	40	3	5					1-2	C410							3-5	C604										
9	Lý thuyết Tài chính tiền tệ nâng cao(2-2223)_01	70	3	5							6-7	C703			8-10	C703												
10	Phân tích và dự báo kinh tế vĩ mô nâng cao(2-2223)_01	40	3	5											6-7	C701					3-5	C704						
11	Quản lý công nâng cao(2-2223)_01	40	3	5			8-10	C507									1-2	C703										
12	Quản trị chiến lược nâng cao(2-2223)_01	70	3	5	1-2	C703																	8-10	C703				
13	Tài chính doanh nghiệp nâng cao(2-2223)_01	70	3	5							8-10	C703			6-7	C703												
14	Thẩm định dự án đầu tư nâng cao(2-2223)_01	70	3	5							6-7	C401							8-10	C703								
15	Hành vi người tiêu dùng(2-2223)_01	200	3	5							6-7	C605									3-5	C503						
16	Thực tập tốt nghiệp(2-2223)_NGÀNH 2	200	4																									
17	Thực tập tốt nghiệp(2-2223)_CSC+KTQLC	200	4																									
18	Thực tập tốt nghiệp(2-2223)_ĐẤU THẦU	200	4																									

STT	Lớp Môn Tín Chỉ	Số SV	Số tín chỉ	Số tiết tuần	Thứ 2				Thứ 3				Thứ 4				Thứ 5				Thứ 6				Thứ 7			
					Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều
19	Thực tập tốt nghiệp(2-2223)_ĐẦU TƯ	200	4																									
20	Thực tập tốt nghiệp(2-2223)_KTĐN	200	4																									
21	Thực tập tốt nghiệp(2-2223)_KTĐN_CLC	200	4																									
22	Thực tập tốt nghiệp(2-2223)_KTKT	200	4																									
23	Thực tập tốt nghiệp(2-2223)_KTPT+KHPT	200	4																									
24	Thực tập tốt nghiệp(2-2223)_LUẬT KINH TẾ	200	4																									
25	Thực tập tốt nghiệp(2-2223)_NGÂN HÀNG	200	4																									
26	Thực tập tốt nghiệp(2-2223)_PTDL	200	4																									
27	Thực tập tốt nghiệp(2-2223)_QTDN	200	4																									
28	Thực tập tốt nghiệp(2-2223)_QTKD_CLC	200	4																									
29	Thực tập tốt nghiệp(2-2223)_QTMA	200	4																									
30	Thực tập tốt nghiệp(2-2223)_TC_CLC	200	4																									
31	Thực tập tốt nghiệp(2-2223)_TC+TCĐT	200	4																									
32	Thực tập tốt nghiệp(2-2223)_TMQT	200	4																									
33	Khóa luận tốt nghiệp(2-2223)_NGÀNH 2	200	6																									
34	Khóa luận tốt nghiệp(2-2223)_CSC+KTQLC	200	6																									
35	Khóa luận tốt nghiệp(2-2223)_ĐẤU THẦU	200	6																									
36	Khóa luận tốt nghiệp(2-2223)_ĐẦU TƯ	200	6																									
37	Khóa luận tốt nghiệp(2-2223)_KTĐN	200	6																									
38	Khóa luận tốt nghiệp(2-2223)_KTKT	200	6																									
39	Khóa luận tốt nghiệp(2-2223)_KTPT+KHPT	200	6																									
40	Khóa luận tốt nghiệp(2-2223)_NGÂN HÀNG	200	6																									

STT	Lớp Môn Tín Chỉ	Số SV	Số tín chỉ	Số tiết tuần	Thứ 2				Thứ 3				Thứ 4				Thứ 5				Thứ 6				Thứ 7			
					Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều
41	Khóa luận tốt nghiệp(2-2223)_PTDL	200	6																									
42	Khóa luận tốt nghiệp(2-2223)_QTDN	200	6																									
43	Khóa luận tốt nghiệp(2-2223)_QTMA	200	6																									
44	Khóa luận tốt nghiệp(2-2223)_TC+TCĐT	200	6																									
45	Khóa luận tốt nghiệp(2-2223)_TMQT	200	6																									

THỜI KHOÁ BIỂU ĐỢT HỌC 1, HỌC KỲ II NĂM HỌC 2022 - 2023, KHÓA 11 - HỆ ĐẠI TRÀ, ĐỢT 1
(09 TUẦN, TỪ NGÀY 06/02/2023 - 09/04/2023)

(Ban hành kèm theo Thông báo số 06/TB-HVCSPT ngày 12 tháng 01 năm 2023 của Học viện Chính sách và Phát triển)

STT	Lớp Môn Tín Chỉ	Số SV	Số tín chỉ	Số tiết tuần	Thứ 2				Thứ 3				Thứ 4				Thứ 5				Thứ 6				Thứ 7			
					Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều
1	Đầu tư công(2-2223)_01	70	3	5											8-10	C401									1-2	C408		
2	Đầu tư công(2-2223)_02	70	3	5											6-7	C401									3-5	C408		
3	Địa lý Kinh tế(2-2223)_04	70	3	5																	1-2	C502			3-5	C502		
4	Dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư PPP(2-2223)_01	70	3	5	3-5	C704											1-2	C304										
5	Giao dịch và đàm phán trong kinh doanh(2-2223)_01	90	3	5	3-5	C304							1-2	C308														
6	Hệ thống thông tin quản lý trong logistics(222)_01	90	2	4			6-9	C502																				
7	Kế toán hành chính sự nghiệp(2-2223)_01	90	3	5			6-7	C304	3-5	C502																		
8	Kế toán hành chính sự nghiệp(2-2223)_02	90	3	5			8-10	C304	1-2	C504																		
9	Kế toán ngân hàng(2-2223)_01	40	3	5			8-10	C410							6-7	C410												
10	Kế toán quốc tế(2-2223)_01	70	3	5	1-2	C302																	8-10	C402				
11	Kế toán quốc tế(2-2223)_02	70	3	5	3-5	C302																	6-7	C402				
12	Logistics trong doanh nghiệp(2-2223)_01	70	3	5											6-7	C404											8-10	C404
13	Logistics trong doanh nghiệp(2-2223)_02	70	3	5											8-10	C404											6-7	C404
14	Luật và chính sách công(2-2223)_01	70	3	5			8-10	C401					1-2	C401														
15	Luật và chính sách công(2-2223)_02	70	3	5			6-7	C401					3-5	C401														
16	Marketing quốc tế(2-2223)_01	70	3	5											6-7	C302							8-10	C304				
17	Ngân hàng thương mại(2-2223)_01	70	3	5	3-5	C308											1-2	C308										
18	Nghiên cứu thị trường(2-2223)_01	70	3	5			6-7	C303							8-10	C304												
19	Nghiên cứu thị trường(2-2223)_02	70	3	5			8-10	C303							6-7	C304												
20	Nghiệp vụ kinh doanh XNK(222)_01	70	3	5															6-7	C302					3-5	C402		

STT	Lớp Môn Tín Chỉ	Số SV	Số tín chỉ	Số tiết tuần	Thứ 2				Thứ 3				Thứ 4				Thứ 5				Thứ 6				Thứ 7			
					Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều
21	Nghiệp vụ kinh doanh XNK(222)_02	70	3	5															8-10	C302					1-2	C402		
22	Nguyên lý thống kê kinh tế(2-2223)_01	70	3	5			6-7	C404							8-10	C303												
23	Nguyên lý thống kê kinh tế(2-2223)_02	70	3	5			8-10	C404							6-7	C303												
24	Phân tích báo cáo tài chính(2-2223)_01	90	3	5					3-5	C702			1-2	C304														
25	Phân tích báo cáo tài chính(2-2223)_02	90	3	5							6-7	C402	3-5	C304														
26	Phân tích kỹ thuật trong đầu tư(2-2223)_01	70	3	5							6-7	C704			8-10	C704												
27	Phân tích và dự báo kinh tế vĩ mô(2-2223)_01	40	3	5									1-2	C410			3-5	C410										
28	Phân tích và dự báo kinh tế vĩ mô(2-2223)_02	40	3	5									3-5	C410					6-7	C410								
29	Phân tích và dự báo kinh tế vĩ mô(2-2223)_03	70	4	8									2-5	C701									6-9	C701				
30	Phân tích và dự báo kinh tế vĩ mô(2-2223)_04	70	4	8													2-5	C501									6-9	C302
31	Phương pháp nghiên cứu khoa học(2-2223)_01	70	3	5													1-2	C302					8-10	C401				
32	Phương pháp nghiên cứu khoa học(2-2223)_02	70	3	5													3-5	C302					6-7	C401				
33	Quan hệ công chúng(2-2223)_01	70	3	5					3-5	C304													6-7	C304				
34	Quản lý công(222)_01	90	3	5			6-7	C702											6-8	C304								
35	Quản lý dự án đầu tư(2-2223)_01	70	3	5							8-10	C301					1-2	C301										
36	Quản lý dự án đầu tư(2-2223)_02	70	3	5							6-7	C301					3-5	C301										
37	Quản trị chiến lược(2-2223)_01	70	3	5					3-5	C303			1-2	C402														
38	Quản trị chiến lược(2-2223)_02	70	3	5							8-10	C401									1-2	C303						
39	Quản trị chuỗi cung ứng(2-2223)_01	70	3	5									3-5	C302									6-7	C303				
40	Quản trị chuỗi cung ứng(2-2223)_02	70	3	5									1-2	C302							3-5	C303						
41	Quản trị điểm đến du lịch(2-2223)_01	40	3	5			8-10	C301							6-7	C301												
42	Quản trị dữ liệu lớn với Apache Spark(2-2223)_01	90	3	5			8-10	C308			6-7	C308																
43	Quản trị ngân hàng thương mại(2-2223)_01	40	3	5									3-5	C402									6-7	C410				

STT	Lớp Môn Tín Chỉ	Số SV	Số tín chỉ	Số tiết tuần	Thứ 2				Thứ 3				Thứ 4				Thứ 5				Thứ 6				Thứ 7			
					Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều
44	Quản trị rủi ro(2-2223)_01	70	3	5							8-10	C704			6-7	C704												
45	Quản trị thương hiệu(2-2223)_01	90	3	5					1-2	C308			3-5	C308														
46	Tài chính quốc tế(2-2223)_01	70	3	5					1-2	C304							3-5	C603										
47	Tâm lý học quản trị kinh doanh(2-2223)_01	70	3	5									3-5	C404			1-2	C404										
48	Thẩm định dự án đầu tư(2-2223)_01	70	3	5							6-7	C501					3-5	C704										
49	Thị trường chứng khoán(2-2223)_01	70	3	5	1-2	C308											3-5	C308										
50	Thuế(2-2223)_01	70	3	5													3-5	C404					6-7	C404				
51	Tư pháp quốc tế(2-2223)_01	70	3	5	3-5	C301					6-7	C304																
52	Tư pháp quốc tế(2-2223)_02	70	3	5	1-2	C301					8-10	C304																
53	Tiếng Anh cơ bản 4(2-2223)_01	50	3	5															6-9	C503							6-9	C303

THỜI KHOÁ BIỂU ĐỢT HỌC 1, HỌC KỲ II NĂM HỌC 2022 - 2023, KHÓA 11 - HỆ CHẤT LƯỢNG CAO, ĐỢT 1
(09 TUẦN, TỪ NGÀY 06/02/2023 - 09/04/2023)

(Ban hành kèm theo Thông báo số 06/TB-HVCSPT ngày 12 tháng 01 năm 2023 của Học viện Chính sách và Phát triển)

STT	Lớp Môn Tín Chỉ	Số SV	Số tín chỉ	Số tiết tuần	Thứ 2				Thứ 3				Thứ 4				Thứ 5				Thứ 6				Thứ 7			
					Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều
1	Kinh tế phát triển (2-2223)_EN_CLC01	44	3	5							6-8	C305					4-5	C307										
2	Nguyên lý bảo hiểm (2-2223)_EN_CLC01	30	3	5			6-8	C305							9-10	C305												
3	Nguyên lý đầu tư (2-2223)_EN_CLC01	40	3	5									1-3	C307							4-5	C305						
4	Nguyên lý đầu tư (2-2223)_EN_CLC02	40	3	5									4-5	C307							1-3	C305						
5	Quản trị chiến lược (2-2223)_EN_CLC01	44	3	5					1-3	C305							4-5	C305										
6	Quản trị chiến lược (2-2223)_EN_CLC02	44	3	5					4-5	C305							1-3	C305										
7	Quản trị hệ thống thông tin (2-2223)_VN_CLC01	30	3	5	4-5	C305							1-3	C305														
8	Quản trị tài chính cơ bản (2-2223)_EN_CLC01	30	3	5			6-8	C307					4-5	C305														

THỜI KHOÁ BIỂU ĐỢT HỌC 1, HỌC KỲ II NĂM HỌC 2022 - 2023, KHÓA 12 - HỆ ĐẠI TRÀ, ĐỢT 1
(09 TUẦN, TỪ NGÀY 06/02/2023 - 09/04/2023)

(Ban hành kèm theo Thông báo số 06/TB-HVCSPT ngày 12 tháng 01 năm 2023 của Học viện Chính sách và Phát triển)

STT	Lớp Môn Tín Chỉ	Số SV	Số tín chỉ	Số tiết tuần	Thứ 2				Thứ 3				Thứ 4				Thứ 5				Thứ 6				Thứ 7			
					Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều
1	Chính sách công(2-2223)_01	70	3	5			8-10	C302															6-7	C301				
2	Chính sách công(2-2223)_02	70	3	5			6-7	C308															8-10	C301				
3	Chính sách công(2-2223)_03	70	3	5					3-5	C404											1-2	C301						
4	Đấu thầu mua sắm 1(2-2223)_01	70	3	5	1-2	C704											3-5	C304										
5	Đấu thầu mua sắm 1(2-2223)_02	70	3	5					3-5	C302													6-7	C408				
6	Đấu thầu qua mạng(2-2223)_01	70	3	5					1-2	C401							3-5	C703										
7	Đầu tư công(2-2223)_03	70	3	5							8-10	C408									1-2	C302						
8	Đầu tư quốc tế(2-2223)_01	70	3	5									1-2	C503											3-5	C302		
9	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh(2-2223)_01	70	3	5			6-7	C402											8-10	C402								
10	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh(2-2223)_02	70	3	5			8-10	C402											6-7	C402								
11	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu(2-2223)_01	70	3	5									3-5	C501											1-2	C508		
12	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu(2-2223)_02	70	3	5									1-2	C501											3-5	C508		
13	Kế toán tài chính(2-2223)_01	70	3	5							6-7	C303					3-5	C601										
14	Kế toán tài chính(2-2223)_02	70	3	5							8-10	C303					1-2	C408										
15	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo(2-2222)_01	70	3	5							6-7	C701									3-5	C701						
16	Kinh tế đầu tư(2-2223)_01	70	3	5			8-10	C701									1-2	C605										
17	Kinh tế đầu tư(2-2223)_02	70	3	5			6-7	C701									3-5	C605										
18	Kinh tế lượng(2-2223)_01	70	3	5			8-10	C408							6-7	C408												
19	Kinh tế lượng(2-2223)_02	70	3	5			6-7	C408							8-10	C408												

STT	Lớp Môn Tín Chỉ	Số SV	Số tín chỉ	Số tiết tuần	Thứ 2				Thứ 3				Thứ 4				Thứ 5				Thứ 6				Thứ 7			
					Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều
20	Kinh tế phát triển(2-2223)_01	70	3	5											6-7	C702					3-5	C301						
21	Kinh tế quốc tế(2-2223)_01	70	3	5	3-5	C401							1-2	C504														
22	Kinh tế vi mô 2(2-2223)_01	70	3	5					1-2	C402											3-5	C402						
23	Kinh tế vi mô 2(2-2223)_02	70	3	5					3-5	C402											1-2	C402						
24	Kinh tế vĩ mô 2(2-2223)_01	70	3	5					1-2	C701													8-10	C608				
25	Kinh tế vĩ mô 2(2-2223)_02	70	3	5					3-5	C308													6-7	C608				
26	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam(2-2223)_01	70	2	4					1-4	C602																		
27	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam(2-2223)_02	70	2	4									1-4	C602														
28	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam(2-2223)_03	70	2	4																					1-4	C602		
29	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam(2-2223)_04	70	2	4											6-9	C602												
30	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam(2-2223)_05	70	2	4	1-4	C602																						
31	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam(2-2223)_06	70	2	4							6-9	C602																
32	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam(2-2223)_07	70	2	4																	1-4	C602						
33	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam(2-2223)_08	70	2	4													1-4	C602										
34	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam(2-2223)_09	70	2	4			6-9	C602																				
35	Lý thuyết Tài chính tiền tệ(2-2223)_01	70	3	5					3-5	C408											1-2	C408						
36	Lý thuyết Tài chính tiền tệ(2-2223)_02	70	3	5							6-7	C302					3-5	C408										
37	Lý thuyết Tài chính tiền tệ(2-2223)_03	70	3	5					1-2	C408											3-5	C408						
38	Nguyên lý kế toán(2-2223)_01	70	3	5							8-10	C701					1-2	C503										
39	Nguyên lý thống kê kinh tế(2-2223)_03	70	3	5	3-5	C408							1-2	C408														
40	Nguyên lý thống kê kinh tế(2-2223)_04	70	3	5	1-2	C408							3-5	C408														
41	Nguyên lý thống kê kinh tế(2-2223)_05	70	3	5							8-10	C702											6-7	C302				

STT	Lớp Môn Tín Chỉ	Số SV	Số tín chỉ	Số tiết tuần	Thứ 2				Thứ 3				Thứ 4				Thứ 5				Thứ 6				Thứ 7			
					Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều
42	Nguyên lý thống kê kinh tế(2-2223)_06	70	3	5							6-7	C702											8-10	C302				
43	Nhập môn lập trình phân tích dữ liệu với Python(2-2223)_01	70	3	5	3-5	C701									6-7	C308												
44	Pháp luật doanh nghiệp(2-2223)_01	70	3	5							8-10	C501									1-2	C601						
45	Pháp luật doanh nghiệp(2-2223)_02	70	3	5							6-7	C504									3-5	C604						
46	Phương pháp nghiên cứu khoa học(2-2223)_03	70	3	5	1-2	C401			3-5	C301																		
47	Phương pháp nghiên cứu khoa học(2-2223)_04	70	3	5							6-7	C404							8-10	C301								
48	Quản lý tài chính công(2-2223)_01	70	3	5													3-5	C401							1-2	C401		
49	Quản lý tài chính công(2-2223)_02	70	3	5													1-2	C401							3-5	C401		
50	Quản trị học(2-2223)_01	70	3	5					3-5	C401							1-2	C603										
51	Quản trị marketing(2-2223)_01	70	3	5											8-10	C604					1-2	C604						
52	Quản trị nhân lực(2-2223)_01	70	3	5											6-7	C503					3-5	C608						
53	Quản trị nhân lực(2-2223)_02	70	3	5											8-10	C503					1-2	C608						
54	Tài chính doanh nghiệp(2-2223)_01	70	3	5									3-5	C601									6-7	C601				
55	Tài chính doanh nghiệp(2-2223)_02	70	3	5									1-2	C601									8-10	C601				
56	Thương mại điện tử(2-2223)_01	70	3	5			6-7	C504							8-10	C501												
57	Thương mại điện tử(2-2223)_02	70	3	5			8-10	C504							6-7	C501												

THỜI KHOÁ BIỂU ĐỢT HỌC 1, HỌC KỲ II NĂM HỌC 2022 - 2023, KHÓA 12 - HỆ CHẤT LƯỢNG CAO, ĐỢT 1
(09 TUẦN, TỪ NGÀY 06/02/2023 - 09/04/2023)

(Ban hành kèm theo Thông báo số 06/TB-HVCSPT ngày 12 tháng 01 năm 2023 của Học viện Chính sách và Phát triển)

STT	Lớp Môn Tín Chỉ	Số SV	Số tín chỉ	Số tiết tuần	Thứ 2				Thứ 3				Thứ 4				Thứ 5				Thứ 6				Thứ 7			
					Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều
1	Địa lý Kinh tế(2-2223)_VN_CLC01	46	3	5					1-3	C307													9-10	C307				
2	Địa lý Kinh tế(2-2223)_VN_CLC02	46	3	5					4-5	C307													6-8	C307				
3	Địa lý Kinh tế(2-2223)_VN_CLC03	46	3	5					1-2	C309													6-8	C309				
4	Kế toán tài chính(2-2223)_EN_CLC01	44	3	5									3-5	C309							4-5	C309						
5	Kế toán tài chính(2-2223)_EN_CLC02	44	3	5			6-8	C309							9-10	C309												
6	Kế toán tài chính(2-2223)_EN_CLC03	44	3	5			9-10	C309							6-8	C309												
7	Kinh tế vĩ mô 1(2-2223)_EN_CLC01	46	3	5							6-8	C309							6-7	C307								
8	Kinh tế vĩ mô 1(2-2223)_EN_CLC02	46	3	5							6-8	C307									4-5	C307						
9	Kinh tế vĩ mô 1(2-2223)_EN_CLC03	46	3	5											6-7	C307											6-8	C307

THỜI KHOÁ BIỂU ĐỢT HỌC 1, HỌC KỲ II NĂM HỌC 2022 - 2023, KHÓA 13 - HỆ ĐẠI TRÀ, ĐỢT 1
(09 TUẦN, TỪ NGÀY 06/02/2023 - 09/04/2023)

(Ban hành kèm theo Thông báo số 06/TB-HVCSPT ngày 12 tháng 01 năm 2023 của Học viện Chính sách và Phát triển)

STT	Lớp Môn Tín Chỉ	Số SV	Số tín chỉ	Số tiết tuần	Thứ 2				Thứ 3				Thứ 4				Thứ 5				Thứ 6				Thứ 7			
					Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều
1	Giáo dục thể chất 2(222)_TAKT	90	2	4																					1-4	San 5		
2	Giáo dục thể chất 2(2-2223)_ĐT_A	90	2	4											6-9	San 5												
3	Giáo dục thể chất 2(2-2223)_ĐT_B	90	2	4					1-4	San 5																		
4	Giáo dục thể chất 2(2-2223)_ĐTH	90	2	4											6-9	San 6												
5	Giáo dục thể chất 2(2-2223)_KHPT	70	2	4							6-9	San 5																
6	Giáo dục thể chất 2(2-2223)_KTĐN	90	2	4																			6-9	San 5				
7	Giáo dục thể chất 2(2-2223)_KTKDS	70	2	4																	1-4	San 5						
8	Giáo dục thể chất 2(2-2223)_KTKT	90	2	4													1-4	San 5										
9	Giáo dục thể chất 2(2-2223)_KTPT	70	2	4			6-9	San 5																				
10	Giáo dục thể chất 2(2-2223)_KTQLC	70	2	4	1-4	San 5																						
11	Giáo dục thể chất 2(2-2223)_TC_A	70	2	4									1-4	San 6														
12	Giáo dục thể chất 2(2-2223)_TC_B	70	2	4	1-4	San 6																						
13	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin(2-2223) ĐT_A	90	2	4																	1-4	C504						
14	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin(2-2223) ĐT_B	90	2	4																			6-9	C602				
15	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin(2-2223) ĐTH	90	2	4															6-9	C404								
16	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin(2-2223) KHPT+KTPT	90	2	4													1-4	C504										
17	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin(2-2223) KTQLC	70	2	4									1-4	C608														
18	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin(2-2223) NH	70	2	4											6-9	C608												
19	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin(2-2223) QTDN	70	2	4							6-9	C608																

STT	Lớp Môn Tín Chỉ	Số SV	Số tín chỉ	Số tiết tuần	Thứ 2				Thứ 3				Thứ 4				Thứ 5				Thứ 6				Thứ 7			
					Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều
20	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin(2-2223) QTMK_A	70	2	4					1-4	C608																		
21	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin(2-2223) QTMK_B	70	2	4													1-4	C608										
22	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin(2-2223) TC_A	70	2	4	1-4	C608																						
23	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin(2-2223) TC_B	70	2	4			6-9	C608																				
24	Kinh tế vi mô 1(222)_TC_B	70	3	5																	1-2	C508			3-5	C601		
25	Kinh tế vi mô 1(2-2223)_KTKT	90	3	5	1-2	C604			3-5	C504																		
26	Kinh tế vi mô 1(2-2223)_NH	70	3	5																	3-5	C508			1-2	C601		
27	Kinh tế vi mô 1(2-2223)_QLC	90	3	5	3-5	C502			1-2	C502																		
28	Kinh tế vi mô 1(2-2223)_TC_A	70	3	5			8-10	C503			6-7	C503																
29	Kinh tế vĩ mô 1(2-2223)_ĐT_A	90	3	5	1-2	C504							3-5	C502														
30	Kinh tế vĩ mô 1(2-2223)_ĐT_B	90	3	5																	3-5	C502			1-2	C702		
31	Kinh tế vĩ mô 1(2-2223)_ĐTH	90	3	5	3-5	C604							1-2	C604														
32	Kinh tế vĩ mô 1(2-2223)_KHPT	70	3	5											6-7	C601							8-10	C605				
33	Kinh tế vĩ mô 1(2-2223)_KTPT	70	3	5											8-10	C601							6-7	C605				
34	Kinh tế vĩ mô 1(2-2223)_KTQLC	70	3	5																	1-2	C603			3-5	C301		
35	Luật Hiến pháp(2-2223)_LĐTKD_A	70	3	5															6-7	C603			8-10	C603				
36	Luật Hiến pháp(2-2223)_LĐTKD_B	70	3	5															8-10	C603			6-7	C603				
37	Lý thuyết xác suất và thống kê toán(222)_KTKT	90	3	5																	3-5	C702			1-2	C604		
38	Lý thuyết xác suất và thống kê toán(222)_PTDLL	70	3	5																	1-2	C503			3-5	C604		
39	Lý thuyết xác suất và thống kê toán(222)_QLC	90	3	5													1-2	C502					8-10	C308				
40	Lý thuyết xác suất và thống kê toán(2-2223)_KTĐN	90	3	5									1-2	C502							3-5	C308						
41	Lý thuyết xác suất và thống kê toán(2-2223)_KTKDS	70	3	5			6-7	C503			8-10	C503																

STT	Lớp Môn Tín Chỉ	Số SV	Số tín chỉ	Số tiết tuần	Thứ 2				Thứ 3				Thứ 4				Thứ 5				Thứ 6				Thứ 7			
					Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều
42	Lý thuyết xác suất và thống kê toán(2-2223) LĐTKD_A	70	3	5	3-5	C503			1-2	C503																		
43	Lý thuyết xác suất và thống kê toán(2-2223) LĐTKD_B	70	3	5									3-5	C503							1-2	C501						
44	Lý thuyết xác suất và thống kê toán(2-2223) NH	70	3	5													1-2	C303							3-5	C303		
45	Lý thuyết xác suất và thống kê toán(2-2223) TMQT_A	70	3	5	1-2	C503			3-5	C503																		
46	Lý thuyết xác suất và thống kê toán(2-2223) TMQT_B	70	3	5													3-5	C503					6-7	C501				
47	Nguyên lý kế toán(2-2223)_QTDN	70	3	5			6-7	C603					3-5	C603														
48	Nguyên lý kế toán(2-2223)_QTMK_A	70	3	5	1-2	C603									8-10	C603												
49	Nguyên lý kế toán(2-2223)_QTMK_B	70	3	5	3-5	C603									6-7	C603												
50	Pháp luật kinh tế(2-2223)_ĐT_A	90	3	5	3-5	C702											1-2	C702										
51	Pháp luật kinh tế(2-2223)_ĐT_B	90	3	5	1-2	C702											3-5	C702										
52	Pháp luật kinh tế(2-2223)_KHPT+KTPT	90	3	5									3-5	C702									6-7	C702				
53	Pháp luật kinh tế(2-2223)_NH	70	3	5									1-2	C702									8-10	C702				
54	Pháp luật kinh tế(2-2223)_QLC	90	3	5											6-7	C502	3-5	C502										
55	Pháp luật kinh tế(2-2223)_TC_A	70	3	5					3-5	C501											1-2	C401						
56	Pháp luật kinh tế(2-2223)_TC_B	70	3	5					1-2	C501											3-5	C401						
57	Thực hành tiếng - Đọc 2(2-2223) TAKT_A	40	3	5									1-2	C505			3-5	C505										
58	Thực hành tiếng - Đọc 2(2-2223) TAKT_B	40	3	5			8-10	C505			6-7	C505																
59	Thực hành tiếng - Đọc 2(2-2223) TAKT_C	40	3	5									3-5	C505			1-2	C505										
60	Thực hành tiếng - Nghe 2(2-2223) TAKT_A	40	3	5	3-5	C505			1-2	C505																		
61	Thực hành tiếng - Nghe 2(2-2223) TAKT_B	40	3	5			6-7	C505			8-10	C505																
62	Thực hành tiếng - Nghe 2(2-2223) TAKT_C	40	3	5	1-2	C505			3-5	C505																		
63	Thực hành tiếng - Nói 2(2-2223) TAKT_A	40	3	5													1-2	C507			3-5	C505						

STT	Lớp Môn Tín Chỉ	Số SV	Số tín chỉ	Số tiết tuần	Thứ 2				Thứ 3				Thứ 4				Thứ 5				Thứ 6				Thứ 7			
					Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều
64	Thực hành tiếng - Viết 2(2-2223) TAKT B	40	3	5											8-10	C505			6-7	C505								
65	Thực hành tiếng - Nói 2(2-2223) TAKT C	40	3	5															8-10	C505	1-2	C505						
66	Thực hành tiếng - Viết 2(2-2223) TAKT A	40	3	5															6-7	C507			8-10	C505				
67	Thực hành tiếng - Nói 2(2-2223) TAKT B	40	3	5													3-5	C507					6-7	C505				
68	Thực hành tiếng - Viết 2(2-2223) TAKT C	40	3	5											6-7	C505							6-8	C507				
69	Tiếng Anh cơ bản 2(2-2223)_01	50	3	5	1-2	C507									8-10	C507												
70	Tiếng Anh cơ bản 2(2-2223)_02	50	3	5	3-5	C507									6-7	C507												
71	Tiếng Anh cơ bản 2(2-2223)_03	50	3	5			6-7	C501					3-5	C507														
72	Tiếng Anh cơ bản 2(2-2223)_04	50	3	5															6-7	C501					3-5	C702		
73	Tiếng Anh cơ bản 2(2-2223)_05	50	3	5															8-10	C501					1-2	C301		
74	Tiếng Anh cơ bản 3(2-2223)_01	50	3	5	1-2	C508							3-5	C508														
75	Tiếng Anh cơ bản 3(2-2223)_02	50	3	5	3-5	C508							1-2	C508														
76	Tiếng Anh cơ bản 3(2-2223)_03	50	3	5			6-7	C508							8-10	C508												
77	Tiếng Anh cơ bản 3(2-2223)_04	50	3	5			8-10	C508							6-7	C508												
78	Tiếng Anh cơ bản 3(2-2223)_05	50	3	5					1-2	C508							3-5	C508										
79	Tiếng Anh cơ bản 3(2-2223)_06	50	3	5					3-5	C508							1-2	C508										
80	Tiếng Anh cơ bản 3(2-2223)_07	50	3	5							6-7	C508							8-10	C508								
81	Tiếng Anh cơ bản 3(2-2223)_08	50	3	5							8-10	C508							6-7	C508								
82	Tiếng Anh cơ bản 3(2-2223)_09	50	3	5													1-2	C601							3-5	C701		
83	Tiếng Anh cơ bản 3(2-2223)_10	50	3	5													3-5	C303							1-2	C701		
84	Tiếng Anh cơ bản 3(2-2223)_11	50	3	5															6-7	C303							8-10	C701
85	Tiếng Anh cơ bản 3(2-2223)_12	50	3	5															8-10	C303							6-7	C701

STT	Lớp Môn Tín Chỉ	Số SV	Số tín chỉ	Số tiết tuần	Thứ 2				Thứ 3				Thứ 4				Thứ 5				Thứ 6				Thứ 7			
					Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều
86	Tiếng Anh cơ bản 3(2-2223)_13	50	3	5															8-10	C401					1-2	C703		
87	Tiếng Anh cơ bản 3(2-2223)_14	50	3	5															6-7	C401					3-5	C703		
88	Tiếng Anh cơ bản 3(2-2223)_15	50	3	5													3-5	C402									6-7	C703
89	Tin học đại cương(2-2223)_KTQLC	70	3	5			6-7	C403 Tin			8-10	C403 Tin																
90	Tin học đại cương(2-2223)_PTDLL	70	3	5											8-10	C403 Tin					4-5	C403 Tin						
91	Tin học đại cương(2-2223)_QTDN	70	3	5	1-2	C403 Tin			3-5	C403 Tin																		
92	Tin học đại cương(2-2223)_QTMK_A	70	3	5											6-7	C403 Tin					1-3	C403 Tin						
93	Tin học đại cương(2-2223)_QTMK_B	70	3	5							6-7	C403 Tin	3-5	C403 Tin														
94	Tin học đại cương(2-2223)_TMQT_A	70	3	5			8-10	C403 Tin					1-2	C403 Tin														
95	Tin học đại cương(2-2223)_TMQT_B	70	3	5	3-5	C403 Tin			1-2	C403 Tin																		
96	Tư tưởng Hồ Chí Minh(2-2223)_ĐTH	90	2	4							6-9	C604																
97	Tư tưởng Hồ Chí Minh(2-2223)_KTĐN	90	2	4					1-4	C604																		
98	Tư tưởng Hồ Chí Minh(2-2223)_KTKDS	70	2	4																					1-4	C605		
99	Tư tưởng Hồ Chí Minh(2-2223)_KTKT	90	2	4																			6-9	C604				
100	Tư tưởng Hồ Chí Minh(2-2223)_LĐTKD_A	70	2	4																	1-4	C605						
101	Tư tưởng Hồ Chí Minh(2-2223)_LĐTKD_B	70	2	4	1-4	C605																						
102	Tư tưởng Hồ Chí Minh(2-2223)_PTDLL	70	2	4									1-4	C605														
103	Tư tưởng Hồ Chí Minh(2-2223)_QLC	90	2	4			6-9	C604																				
104	Tư tưởng Hồ Chí Minh(2-2223)_TMQT_A	70	2	4													1-4	C701										
105	Tư tưởng Hồ Chí Minh(2-2223)_TMQT_B	70	2	4											6-9	C605												

THỜI KHOÁ BIỂU ĐỢT HỌC 1, HỌC KỲ II NĂM HỌC 2022 - 2023, KHÓA 13 - HỆ CHẤT LƯỢNG CAO, ĐỢT 1
(09 TUẦN, TỪ NGÀY 06/02/2023 - 09/04/2023)

(Ban hành kèm theo Thông báo số 06/TB-HVCSPT ngày 12 tháng 01 năm 2023 của Học viện Chính sách và Phát triển)

STT	Lớp Môn Tín Chỉ	Số SV	Số tín chỉ	Số tiết tuần	Thứ 2				Thứ 3				Thứ 4				Thứ 5				Thứ 6				Thứ 7			
					Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều
1	Giáo dục thể chất 2(2-2223)_VN_CLC01	50	2	4					1-4	San 1																		
2	Giáo dục thể chất 2(2-2223)_VN_CLC02	50	2	4							6-9	San 1																
3	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin(2-2223)_VN_CLC01	50	3	5			6-8	C405							9-10	C405												
4	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin(2-2223)_VN_CLC02	50	3	5			9-10	C405							6-8	C405												
5	Pre IELTS 1.2(2-2223)_EN_CLC	25	3	1			11-11	C701																				
6	Tiếng Anh IELTS 1.2(2-2223)_EN_CLC-A1	30	6	10					1-4	C405							1-3	C405			1-3	C405						
7	Tiếng Anh IELTS 1.2(2-2223)_EN_CLC-A2	30	6	10							6-9	C405							6-8	C405			6-8	C405				
8	Tiếng Anh IELTS 1.2(2-2223)_EN_CLC-A3	30	6	10							6-9	C407					1-3	C407			1-3	C407						
9	Tiếng Anh IELTS 1.2(2-2223)_EN_CLC-A4	30	6	10					1-4	C407									6-8	C407			6-8	C407				
10	Toán cao cấp 2(2-2223)_VN_CLC01	50	3	5	1-3	C405							4-5	C405														
11	Toán cao cấp 2(2-2223)_VN_CLC02	50	3	5	4-5	C405							1-3	C405														